

Số: 136/QĐ-DBĐHDTTW

Phủ Thọ, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh
hoàn thành chương trình dự bị đại học vào Học viện Tài chính**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Thông tư số: 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số: 41/2013/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số: 44/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số: 66/DBĐHDTTW-KHTC, ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương về việc đăng ký chỉ tiêu xét chuyển đổi tương đương học sinh thuộc diện chính sách theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT vào đại học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số: 472/HVTC-QLĐT ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Công văn số: 577/HVTC-QLĐT ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Học viện Tài chính về việc đăng ký chỉ tiêu của học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét chuyển học sinh ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc xét chuyển học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại các cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Phó Hiệu Trưởng phụ trách công tác xét chuyển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chuyển 74 học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại Học viện Tài chính (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh có trách nhiệm theo dõi, thực hiện các thủ tục xét tuyển theo hướng dẫn của cơ sở giáo dục đại học và thanh toán hết các khoản công nợ đối với Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Bồi dưỡng, Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch, tài chính – Quản trị, trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTCQT.

**HIỆU TRƯỞNG**
TS. Nguyễn Tuấn Anh

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

DANH SÁCH XÉT CHUYỂN HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC THEO NGUYỆN VỌNG
THAM GIA XÉT TUYỂN VÀO HỌC VIỆN TÀI CHÍNH, NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 336/QĐ-ĐBĐHDTW, ngày 17 tháng 6 năm 2025)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khó	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học			Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3			Tên ngành	Mã ngành	
1	Vi Thị Mai Linh	Nữ	12/02/2006	Tày	K50A6	024306001111	0963094061	9,2	8,9	9,0	27,1	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Kiểm toán	7340302	
													3. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	
2	Hoàng Thị Huyền	Nữ	08/01/2006	Tày	K50A7	004306004640	0971186801	9,0	9,0	8,9	26,9	Tốt	1. Marketing	7340115	Chương trình chuẩn
													2. Kế toán	7340301	
													3. Tài chính - ngân hàng 1	73402011	
3	Trần Lý Quỳnh	Nữ	24/9/2006	Tày	K50A6	002306000408	0818161222	8,8	8,9	9,0	26,7	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 2	73402012	
													3. Quản trị doanh nghiệp; quản trị kinh doanh du lịch	7340101	
4	Ma Thị Lan Hương	Nữ	08/01/2006	Tày	K50A7	006306003865	0867702948	9,1	8,9	8,6	26,6	Tốt	1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 2	73402012	
													3. Kiểm toán	7340302	

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp/ Khó	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyên		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
5	Lưu Thanh Giang	Nữ	06/12/2006	Thái	K50A6	015306006832	0355937695	8,5	8,9	9,1	26,5	Tốt	1. Marketing	7340115	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Kiểm toán	7340302	Chương trình chuẩn
													1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
6	Quách Thị Hoài	Nữ	01/01/2006	Mường	K50A5	017306000180	0347019461	8,7	9,1	8,8	26,6	Tốt	2. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Marketing	7340115	Chương trình chuẩn
													1. Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
7	Hoàng Hoài Linh	Nữ	02/04/2006	Tày	K50D1	004306005031	0981460259	9,0	8,3	9,0	26,3	Tốt	3. Quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh du lịch	7340101	Chương trình chuẩn
													1. Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 2	73401023	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 3	73402013	Chương trình chuẩn
8	Mã Thị Thu Trang	Nữ	08/03/2006	Tày	K50D5	004306000074	0815399881	8,4	8,4	9,4	26,2	Tốt	1. Kiểm toán	7340302	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Kinh tế chính trị tài chính	7310102	Chương trình chuẩn
													9	Phạm Hoàng Hải	Nam

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
10	Đỗ Quỳnh Trang	Nữ	15/5/2006	Nùng	K50A4	020306001407	0377883115	8,3	8,7	9,0	26,0	Tốt	1. Tài chính - Ngân hàng 2 2. Quản trị kinh doanh 3. Kế toán	7340201 7340101 7340301	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
11	Đàm Lê An Khánh	Nữ	29/9/2006	Tày	K50A3	004306006000	0818701685	8,1	9,3	8,4	25,8	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp 2. Tài chính - ngân hàng 1 3. Quản trị kinh doanh	7340301 73402011 7340101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
12	Nguyễn Thị My Thảo	Nữ	04/12/2006	Kinh	K50D5	015306006583	0976137076	8,5	8,3	8,8	25,6	Tốt	1. Ngôn ngữ Anh 2. Tài chính - ngân hàng 1 3. Tài chính - ngân hàng 3	7220201 7340201 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
13	Chu Nguyệt Hà	Nữ	09/7/2006	Nùng	K50A3	004306005755	0845217185	8,7	8,5	8,3	25,5	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp 2. Tài chính - ngân hàng 1	7340301 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
14	Nông Quốc Vương	Nam	08/8/2006	Tày	K50A5	004206007366	0818330561	8,5	8,3	8,7	25,5	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 2 2. Trí tuệ nhân tạo trong tài chính kinh doanh 3. Marketing	73402012 7480201 7340115	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khó	Số CM/ND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
15	Địch Thanh Huyền	Nữ	28/11/2006	Nùng	K50D1	00630600 0635	0359100 250	8,5	8,6	8,3	25,4	Tốt	1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Luật kinh doanh	7380101	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính bảo hiểm	7340204	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính - ngân hàng 1	73402011	Chương trình chuẩn
16	Dương Thị Tâm Thanh	Nữ	27/01/2006	Tày	K50A3	02030600 2214	0335746 933	8,4	8,8	8,2	25,4	Tốt	2. Tài chính - ngân hàng 2	73402012	Chương trình chuẩn
													3. Quản trị kinh doanh	7340101	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Tin học tài chính kế toán	7340405	Chương trình chuẩn
17	Tô Trường Sơn	Nam	26/8/2006	Nùng	K50A01	00420600 0760	0397617 044	8,6	8,1	8,7	25,4	Tốt	3. Quản trị doanh nghiệp	7340101	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính ngân hàng 3	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính ngân hàng 3	7340201	Chương trình chuẩn
18	Triệu Bảo Hân	Nữ	14/6/2006	Nùng	K50A01	02030600 0573	0968562 006	8,2	8,3	8,9	25,4	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Kiểm toán	7340302	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính ngân hàng 3	7340201	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
19	Đinh Trọng Nghĩa	Nam	28/08/2006	Tày	K50D4	00420600 6746	0395526 084	9,2	7,5	8,7	25,4	Tốt	2. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 3	7340201	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp/ Khó	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành	
20	Đèo Trần Hà Châu	Nữ	28/12/2006	Thái	K50D2	012306000965	0814966243	8,4	8,2	8,7	25,3	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp, kế toán công 2. Tài chính - ngân hàng 2 3. Hải quan và logistics	7340301 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
21	Nguyễn Đức Duy	Nam	29/8/2006	Tày	K50A3	008206001558	0966384206	8,4	8,5	8,4	25,3	Tốt	1 Kế toán 2. Tài chính - ngân hàng 3 3. Tài chính- ngân hàng 1	7340301 73402013 73402011	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
22	Lý Thị Hồng Vân	Nữ	9/12/2006	Tày	K50A01	004306000755	0344221247	8,8	7,1	9,2	25,1	Tốt	1. Tài chính ngân hàng 1 2. Kế toán 3. Kinh tế đầu tư	73402011 7340301 7310104	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
23	La Thị Sòng	Nữ	28/10/2006	Nùng	K50A5	004306006525	0358040709	8,5	7,9	8,7	25,1	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 1 2. Kế toán 3. Kiểm toán	7340201 7340301 7340302	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyển			Chương trình đào tạo
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành	
24	Hứa Thị Lý	Nữ	14/2/2005	Nùng	K50D1	020305001315	0372630238	8,2	8,4	8,4	25,0	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 2 2. Tài chính - ngân hàng 3 3. Kế toán	73402012 73402013 7340301	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
25	Ngân Thị Hoài	Nữ	07/06/2006	Tày	K50D5	006306004228	0912357003	8,5	7,9	8,5	24,9	Tốt	1. Kinh tế đầu tư 2. Kế toán 3. Tài chính - ngân hàng 2	7340104 7340301 73401021	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
26	Phương Hải Đăng	Nam	01/8/2006	Tày	K50A3	004206001342	0368849356	8,4	8,5	8,0	24,9	Tốt	1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán 3. Tài chính ngân hàng 1	7340101 7340301 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
27	Lã Quỳnh Như	Nữ	03/03/2006	Tày	K50D2	024306000889	0858054467	8,6	8,1	8,2	24,9	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công 2. Kiểm toán 3. Tài chính bảo hiểm	7340301 7340302 7340204	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
28	Lò Thị Hồng Ngân	Nữ	23/10/2006	Thái	K50D3	014306003450	0386412407	8,1	7,7	9,0	24,8	Tốt	1. Kinh tế đầu tư 2. Tài chính ngân hàng 2 3. Marketing	7310104 7340201 7340115	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyên		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
29	Lương Thị Hà	Nữ	29/01/2006	Thái	K50D2	014306002910	0329474884	8,5	8,5	7,8	24,8	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 3 2. Trí tuệ nhân tạo trong tài chính kinh doanh 3. Kế toán doanh nghiệp; kế toán công	7340201 7480201 7340301	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
30	Lại Đàm Thái	Nam	15/11/2006	Tây	K50D2	004206003752	0914906111	7,7	8,1	9,0	24,8	Tốt	1. Kiểm toán	7340302	Chương trình chuẩn
													2. Tin học tài chính kế toán	7340405	Chương trình chuẩn
													3. Phân tích tài chính	7340201QT01.11	Theo định hướng ICAEWCFAB, chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế
31	Lục Nhất Minh	Nam	19/9/2006	Cao Lan	K50A4	024206001060	0348453353	7,4	8,8	8,5	24,7	Tốt	1. Quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh du lịch	7340101	Chương trình chuẩn
													2. Thẩm định giá và kinh doanh bất động sản	7340116	Chương trình chuẩn
													3. Trí tuệ nhân tạo trong tài chính kế toán	7480201	Chương trình chuẩn
32	Nguyễn Hồng Thái	Nam	08/5/2005	Tây	K50A5	020205001191	0373800722	8,7	8,1	7,9	24,7	Tốt	1. Quản trị kinh doanh	7340101	Chương trình chuẩn
													2. Kinh tế	7310101	Chương trình chuẩn
													3. Bất động sản	7340116	Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyên		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
33	Lưu Tiến Hưng	Nam	05/6/2005	Nùng	K50A4	020205001214	0916900413	8,6	8,1	7,9	24,6	Tốt	1. Kiểm toán 2. Tài chính - ngân hàng 1 3. Trí tuệ nhân tạo trong tài chính kế toán	7340302 7340201 7480201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
34	Nguyễn Chăm Mai	Nữ	11/9/2006	Kinh	K50A8	002306004229	0981876268	8,3	8,8	7,6	24,7	Tốt	1. Trí tuệ nhân tạo trong tài chính kế toán 2. Kế toán 3. Quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh du lịch	7480201 7340301 7340101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
35	Chu Thị Khanh Linh	Nữ	29/4/2006	Tày	K50A1	006306000496	0824006720	8,3	8,0	8,3	24,6	Tốt	1. Marketing 2. Quản trị kinh doanh 3. Tài chính ngân hàng 1	7340115 7340101 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
36	Nông Quang Toàn	Nam	05/04/2006	Tày	K50D4	004206002452	0333026812	9,2	7,3	8,0	24,5	Tốt	1. Tài chính ngân hàng 1 2. Marketing 3. Tài chính ngân hàng 2	7340201 7340115 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
37	Nông Phương Thảo	Nữ	20/03/2005	Tày	K50D2	002305007981	0813183005	8,3	7,5	8,6	24,4	Tốt	1. Kiểm toán 2. Kế toán công 3. Tài chính - ngân hàng 1	7340302 7340301 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khó	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
38	Triệu Thị Tuyên	Nữ	17/02/2006	Nùng	K50D6	00430600 3322	0814344 531	8,2	7,4	8,8	24,4	Tốt	1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 3	73402013	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 2	73402012	Chương trình chuẩn
													1. Quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh du lịch	7340101	chương trình chuẩn
39	Hà Trường An	Nam	26/08/2005	Nùng	K50B3	00420500 0050	0888607 879	7,8	7,5	9,0	24,3	Tốt	2. Tài chính ngân hàng 2	73402012	chương trình chuẩn
													3. Kế toán doanh nghiệp	7340301	chương trình chuẩn
													1. Tài chính - ngân hàng 1	73402011	Chương trình chuẩn
													2. Kế toán doanh nghiệp	7340301	Chương trình chuẩn
40	Nguyễn Đức Hoàng	Nam	17/02/2006	Tày	K50D3	00220600 8084	0924668 222	8,4	7,9	7,7	24,0	Tốt	3. Tài chính - ngân hàng 3	73402013	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính doanh nghiệp	7340201	Theo định hướng ACCA, chương trình định hướng, chứng chỉ quốc tế
41	Nông Thị Thoa	Nữ	13/01/2006	Tày	K50D2	02430600 0896	0356554 324	8,3	8,1	7,6	24,0	Tốt			

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyên		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
42	Bùi Thị Hồng Thuý	Nữ	04/09/2006	Mường	K50D6	017306007293	0976443146	8,3	7,6	8,1	24,0	Khá	1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 2	73402012	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 3	73402013	Chương trình chuẩn
													1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
43	Trần Hoàng Trang	Nữ	29/04/2006	Sản Dìu	K50D1	004306004910	0989542006	8,1	8,0	7,8	23,9	Tốt	2. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính - ngân hàng 1	73402011	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 2	73402012	Chương trình chuẩn
44	Lương Cẩm Huy	Nam	05/12/2006	Thái	K50A4	014206002312	0392203668	8,3	7,7	7,8	23,8	Tốt	3. Tài chính - ngân hàng 3	73402013	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Kiểm toán	7340302	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính ngân hàng 3	7340201	Chương trình chuẩn
45	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	22/3/2005	Tày	K50A01	004205006848	0886657808	7,9	7,8	8,1	23,8	Tốt	1. Kinh tế và quản trị nguồn lực tài chính	7310101	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Kế toán doanh nghiệp	7340301	Chương trình chuẩn
46	Lâm Thị Nhung	Nữ	13/01/2006	Nùng	K50D3	020306005363	0365531304	7,4	7,9	8,4	23,7	Tốt			

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
47	Hoàng Vĩ Tâm	Nam	21/11/2006	Nùng	K50A3	00420600 6556	0778384 700	8,1	7,5	8,2	23,8	Tốt	1. Logistic và Hải quan 2. Marketing 3. Tin học tài chính kế toán	7340201 7340115 7340405	Theo định hướng FIATA Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
48	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	30/12/2006	Nùng	K50A3	00420600 0298	0847362 086	8,4	7,4	7,9	23,7	Tốt	1. Quản trị kinh doanh 2. Marketing 3. Kinh tế đầu tư	7340101 7340115 7310104	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
49	Hà Doãn Sơn	Nam	13/10/2006	Tày	K50D5	00420600 8007	0886089 105	8,5	6,8	8,4	23,7	Tốt	1. Kinh tế 2. Tài chính - ngân hàng 1 3. Kế toán	7310101 7340201 7340301	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
50	Phùng Quang Hùng	Nam	22/2/2006	Tày	K50A01	02520601 3513	0868083 523	8,5	6,5	8,4	23,4	Tốt	1. Kinh tế 2. Marketing 3. Marketing	7310101 7340115 7340115	Chương trình chuẩn Chương trình định hướng Chương trình chuẩn
51	Vương Nông Ngọc Trâm	Nữ	14/05/2006	Nùng	K50D7	00430600 4532	0849499 116	7,7	7,9	7,7	23,3	Tốt	1. Kế toán 2. Marketing 3. Tài chính - ngân hàng 1	7340301 7340115 7340201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyên		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
52	Nông Thị Diệu	Nữ	15/1/2006	Tày	K50A01	00430600 0541	0832325 744	7,5	7,4	8,3	23,2	Tốt	1. Kiểm toán 2. Kinh tế 3. Kế toán doanh nghiệp	7340302 7310101 7340204	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
53	Nông Thị Thủy	Nữ	15/10/2006	Tày	K50D5	00430600 3508	0392944 059	8,2	8,0	7,0	23,2	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 1 2. Kinh tế 3. Ngôn ngữ Anh	7340201 7310101 7220201	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
54	Hà Thị Kim Cúc	Nữ	18/1/2006	Nùng	K50A01	02030600 7341	0869850 331	7,9	6,9	8,3	23,1	Tốt	1. Tài chính ngân hàng 1 2. Kinh tế và quản lý nguồn lực tài chính 3. Quản lý tài chính công	73402011 7310101 7340403	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
55	Pông Văn Doãn	Nam	22/01/2006	Thái	K50D4	01120600 2166	0327451 315	7,4	7,7	7,7	22,8	Tốt	1. Kế toán 2. Ngôn ngữ Anh 3. Quản trị kinh doanh	7340301 7220201 7340101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
56	Vũ Minh Hiền	Nam	25/10/2006	Nùng	K50A8	01920600 2498	0352440 871	7,2	7,9	7,7	22,8	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 1 2. Thẩm định giá và kinh doanh bất động sản	7340201 7340116	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

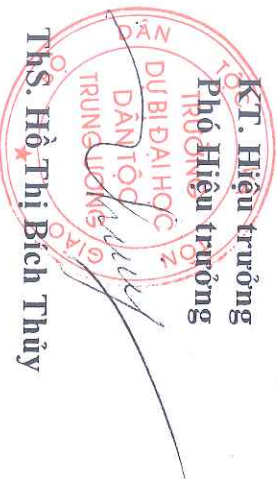
Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Ngành xét chuyên		Chương trình đào tạo
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành	
57	Nông Minh Hiếu	Nam	26/02/2006	Tày	K50A1	00420600 4037	0326945 706	7,8	7,2	7,6	22,6	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công 2. Tài chính ngân hàng 1 3. Kiểm toán	7340301 73402011 7340302	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
58	Hà Bé Linh Chi	Nữ	08/03/2006	Tày	K50D6	00430600 3726	0813605 448	7,7	7,0	7,9	22,6	Tốt	1. Kế toán 2. Tài chính - ngân hàng 1 3. Luật kinh doanh	7340301 73402011 7380101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
59	Hoàng Thảo Phương	Nữ	10/11/2006	Nùng	K50D7	02030600 0829	0389562 369	7,5	6,9	7,8	22,2	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp, kế toán công 2. Kiểm toán 3. Tài chính - ngân hàng 1	7340301 7340302 73402011	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
60	Đàm Thị Thu Hoài	Nữ	12/11/2006	Nùng	K50D2	00630600 0653	0342368 866	6,6	7,5	8,1	22,2	Tốt	1. Luật (luật kinh doanh) 2. Ngôn ngữ Anh 3. Tài chính - ngân hàng 1	7380101 7220101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
61	Hà Huyền Nhung	Nữ	16/10/2006	Mường	K50D4	02530601 2239	0357633 206	7,6	8,5	5,9	22,0	Tốt	1. Tài chính ngân hàng 2 2. Tài chính ngân hàng 3 3. Quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh du lịch	73402012 73402013 7340101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

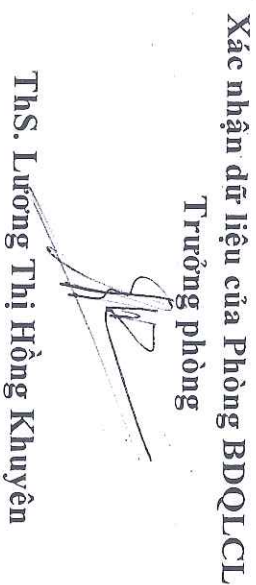
Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khó	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành		Mã ngành
62	Nông Thị Thảo	Nữ	17/03/2006	Tày	K50D6	00430600 0132	0375093 161	6,8	6,9	8,3	22,0	Khá	1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Ngôn ngữ Anh	7220201	Chương trình chuẩn
													1. Hệ thống thông tin QL (Tin học tài chính kế toán)	7340405	chương trình chuẩn
63	Nguyễn Lâm Tùng	Nam	15/10/2006	Tày	K50D4	02020600 0604	0976736 783	7,9	6,8	7,2	21,9	Tốt	2. Khoa học dữ liệu trong tài chính	7460108	chương trình chuẩn
													3. Marketing	7340115	chương trình chuẩn
													1. Kiểm toán	7340302	Chương trình chuẩn
													2. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
64	Hứa Thị Anh Minh	Nữ	24/01/2006	Tày	K50D6	00630600 3597	0364336 421	7,5	8,2	5,9	21,6	Khá	3. Tài chính - ngân hàng 3	7340301	Chương trình chuẩn
													1. Tài chính ngân hàng 3	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
65	Hà Ngọc Phương	Nữ	01/03/2006	Tày	K50D3	01930600 4724	0395963 101	8,3	6,4	6,9	21,6	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	chương trình chuẩn
													2. Tin học tài chính kế toán	7340405	chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	chương trình chuẩn
													1. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	chương trình chuẩn
66	Lâm Quốc Toàn	Nam	18/3/2006	Nùng	K50A4	02020600 8862	0342584 206	7,5	6,9	7,1	21,5	Tốt	2. Tin học tài chính kế toán	7340405	chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	chương trình chuẩn

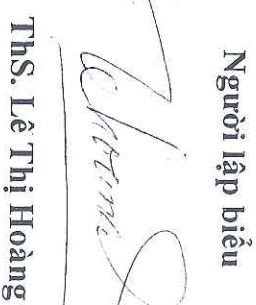
Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp/ Khó	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học				Ngành xét chuyển			Chương trình đào tạo
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THPT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành	
67	Bùi Vương Thảo	Nữ	13/09/2006	Mường	K50D7	017306001805	0787442097	6,4	7,3	7,7	21,4	Tốt	1. Tài chính ngân hàng 2 2. Tài chính ngân hàng 1 3. Kế toán doanh nghiệp	7340201 7340201 7340301	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
68	Nhan Đức Tuấn	Nam	16/5/2006	Tày	K50D7	020206000586	0383311842	8,6	6,1	6,7	21,4	Tốt	1. Kế toán 2. Tài chính bảo hiểm 3. Kinh tế chính trị - tài chính	7340301 7340204 7310102	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
69	Lương Anh Kiệt	Nam	28/3/2006	Nùng	K50A8	004206000289	0328426654	7,4	7,2	6,7	21,3	Tốt	1. Kinh tế và quản trị nguồn lực tài chính 2. Luật kinh doanh	7310101 7380101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
70	Đàm Thị Ngọc Hà	Nữ	13/1/2006	Tày	K50A01	004306000754	0848126118	6,9	6,8	7,6	21,3	Tốt	1. Kế toán doanh nghiệp 2. Tài chính ngân hàng 1 3. Quản trị kinh doanh	7340301 73402011 7340101	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn
71	Nguyễn Đình Luân	Nam	29/12/2006	Tày	K50A4	004206003005	0843291206	6,9	7,3	7,0	21,2	Tốt	1. Tin học tài chính kế toán 2. Khoa học dữ liệu trong tài chính 3. Tài chính - ngân hàng 1	7340405 7460108 73402011	Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn Chương trình chuẩn

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp/ Khối	Số CMND/C CCD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Ngành xét chuyển		Chương trình đào tạo
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm tổng kết 3 môn học BD thuộc THXT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành	
72	La Tuấn Anh	Nam	20/7/2006	Tày	K50A1	02020600 3694	0347860 340	7,1	6,4	7,4	20,9	Tốt	1. Tài chính ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
73	Hoàng Kiều Ly	Nữ	13/06/2006	Tày	K50D6	00430600 2567	0813409 890	6,7	7,3	6,9	20,8	Tốt	1. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 2	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Tài chính - ngân hàng 3	7340201	Chương trình chuẩn
74	Lô Thủy Bằng	Nữ	15/12/2006	Thái	K50D6	00430600 0122	0383173 804	6,7	7,7	6,4	20,8	Tốt	1. Kế toán	7340301	Chương trình chuẩn
													2. Tài chính - ngân hàng 1	7340201	Chương trình chuẩn
													3. Kiểm toán	7340302	Chương trình chuẩn

Danh sách gồm 74 học sinh (A01: Toán - Lý - T. Anh; A00: Toán - Lý - Hóa; D01: Toán - Văn - T. Anh; D07: Toán - Hóa - T. Anh)/.

K.T. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng


Xác nhận dữ liệu của Phòng BDQLCL
Trưởng phòng


Người lập biểu

ThS. Lê Thị Hoàng